

Họ tên học sinh: Lớp:

PHIẾU TRẢ LỜI: Học sinh dùng tích vào đáp án đúng, *không khoanh vào đề*

Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
1	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	11	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	21	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	12	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	22	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	13	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	23	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	14	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	24	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	15	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	25	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	16	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	26	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	17	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	27	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	18	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	28	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	19	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					
10	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	20	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với tổng số dân trung bình ở cùng thời điểm được gọi là

- A. tỉ suất sinh. B. tỉ suất sinh thô.
C. tỉ suất tăng dân số. D. tỉ lệ tăng dân số.

Câu 2: Tỉ suất sinh trên thế giới có xu hướng giảm *không phải* do

- A. kinh tế - xã hội phát triển. B. thực hiện chính sách dân số.
C. khí hậu ngày càng khắc nghiệt. D. nhận thức của người dân.

Câu 3. Dựa vào hình 22.1 (trang 83 - SGK lớp 10 cơ bản), nhận xét nào đúng với biểu đồ?

- A. Tỉ suất sinh ngày càng giảm và khác nhau giữa các nhóm nước.
B. Tỉ suất sinh ngày càng tăng và khác nhau giữa các nhóm nước.
C. Tỉ suất sinh của nhóm nước phát triển cao hơn nhóm nước đang phát triển.
D. Tỉ suất sinh của nhóm nước đang phát triển thấp hơn mức trung bình thế giới.

Câu 4. Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh giảm đột ngột?

- A. Kinh tế kém phát triển. B. Khoa học kĩ thuật lạc hậu.
C. Số người già nhiều. D. Thiên tai, bệnh dịch.

Câu 5: Các nước có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao chủ yếu tập trung ở

- A. Nam Á. B. châu Phi. C. Nam Mỹ. D. Trung Mỹ.

Câu 6: Dựa vào hình 22.2 (trang 84 - SGK lớp 10 cơ bản), nhận xét nào đúng với biểu đồ?

- A. Tỉ suất tử ngày càng giảm và khác nhau giữa các nhóm nước.
B. Tỉ suất tử ngày càng tăng và khác nhau giữa các nhóm nước.
C. Tỉ suất tử của thế giới và nhóm nước đang phát triển giảm nhanh.
D. Tỉ suất tử của nhóm nước phát triển thấp hơn mức trung bình thế giới.

Câu 7. Dân số tăng nhanh gây nên sức ép nào về mặt xã hội?

- A. Tình trạng thất nghiệp tăng.
 B. Thiếu lương thực thực phẩm.
 C. Tài nguyên bị khai thác nhiều.
 D. Môi trường ngày càng ô nhiễm.

Câu 8. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ xuất cư của một lãnh thổ tăng lên là

- A. môi trường sống thuận lợi.
 B. Dễ kiếm việc làm.
 C. việc làm có thu nhập cao.
 D. mức sống thấp.

Câu 9. Nguyên nhân khiến các nước phát triển có tỉ lệ nữ nhiều hơn nam là do

- A. khí hậu ôn hòa.
 B. tỉ suất sinh thô cao.
 C. số người già lớn.
 D. tỉ lệ nhập cư lớn.

Câu 10. Thuận lợi do cơ cấu dân số trẻ mang lại là

- A. nguồn lao động dồi dào.
 B. lao động bổ sung hàng năm lớn.
 C. lao động nhiều kinh nghiệm.
 D. lao động có trình độ kỹ thuật cao.

Câu 11. Đặc điểm nào **không** thể hiện qua kiểu tháp dân số mở rộng?

- A. Tỉ suất sinh thô cao.
 B. Tuổi thọ trung bình thấp.
 C. **Chất lượng cuộc sống cao.**
 D. Dân số gia tăng nhanh.

Câu 12: Thành phần nào **không** thuộc nhóm dân số không hoạt động kinh tế?

- A. Nội trợ.
 B. Học sinh.
 C. Sinh viên.
 D. Giáo viên.

Câu 13: Nhận xét nào đúng về tỉ lệ người biết chữ ở Việt Nam?

- A. Thấp hơn mức trung bình thế giới.
 B. Thấp hơn các nước đang phát triển.
 C. Cao tương đương các nước phát triển.
 D. Thuộc nhóm nước kém phát triển.

Câu 14: Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa **không** phản ánh được

- A. phân bố dân cư.
 B. chất lượng cuộc sống.
 D. trình độ dân trí, học vấn.
 D. trình độ phát triển kinh tế.

Câu 15: Nhân tố nào **không** ảnh hưởng đến phân bố dân cư?

- A. Sự phát triển kinh tế.
 B. Điều kiện tự nhiên.
 C. Lịch sử khai thác lãnh thổ.
 D. Cơ cấu dân số theo giới.

Câu 16: Các nước có tỉ lệ dân thành thị cao tập trung chủ yếu ở

- A. châu Á.
 B. châu Âu.
 C. châu Phi.
 D. châu Mỹ.

Câu 17: Ảnh hưởng tích cực của đô thị hóa về mặt kinh tế là

- A. thay đổi phân bố dân cư.
 B. thay đổi cơ cấu lao động.
 C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
 D. ảnh hưởng quá trình sinh tử.

Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2019

Châu lục	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)
Châu Phi	30,3	1318,2
Châu Mỹ	42,0	1024,3
Châu Á (trừ LB Nga)	31,8	4582,5
Châu Âu (kể cả LB Nga)	23,0	743,1
Châu Đại Dương	8,5	41,8
Toàn thế giới	135,6	7709,9

Dựa vào bảng số liệu, trả lời câu hỏi 18, 19, 20.

Câu 18: Biểu đồ thích hợp thể hiện dân số và diện tích các châu lục năm 2019 là

- A. cột đơn.
 B. cột chồng.
 C. cột ghép.
 D. đường.

Câu 19: Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ lệ dân số và diện tích của các châu lục so với thế giới năm 2019 là

- A. cột chồng. B. miền. C. cột ghép. D. tròn.

Câu 20: Biểu đồ thích hợp thể hiện mật độ dân số của thế giới và các châu lục năm 2019 là

- A. cột đơn. B. cột chồng. C. cột ghép. D. tròn.

Câu 21: Vai trò của nguồn lực tự nhiên đối với phát triển kinh tế

- A. tạo thuận lợi hay gây khó khăn trong việc trao đổi.
B. là cơ sở nguyên liệu tự nhiên của quá trình sản xuất.
C. quyết định đến sự phát triển của nền kinh tế.
D. ảnh hưởng quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển.

Câu 22: Nguyên nhân gây ra tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp là

- A. đối tượng sản xuất là cây trồng, vật nuôi.
B. đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu.
C. sản xuất phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.
D. thời gian sản xuất và lao động không trùng nhau.

Câu 23: Mục đích chủ yếu của trang trại là

- A. sản xuất hàng hóa. B. áp dụng khoa học kỹ thuật.
C. tạo ra nhiều việc làm. D. tăng giá trị nông sản.

Câu 24: Quốc gia sản xuất nhiều lúa gạo nhưng không phải là nước xuất khẩu nhiều là

- A. Ấn Độ. B. Hoa Kỳ. C. Trung Quốc. D. Việt Nam.

Câu 25: Quê hương của cây ngô là

- A. Mê-hi-cô. B. Hoa Kỳ. C. Trung Quốc. D. Bra-xin.

Câu 26: Cây nào **không** thuộc nhóm cây lấy đường?

- A. Củ cải đường. B. Mía. C. Thốt nốt. D. Mắc mật.

Câu 27: Chè là cây công nghiệp của miền cận nhiệt nhưng Việt Nam trồng được nhiều vì

- A. có mùa đông lạnh. B. có nhiều đồi núi.
C. lãnh thổ kéo dài. D. nhu cầu uống chè lớn.

Câu 28: Ở châu Phi, cây cao su được trồng nhiều ở

- A. Bắc Phi. B. Đông Phi. C. Tây Phi. D. Nam Phi.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm): Học sinh làm câu này vào giấy kiểm tra

Dựa vào bảng số liệu: diện tích, dân số thế giới và các châu lục năm 2019 ở trên.

- a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số của các châu lục so với thế giới năm 2019.
b. Rút ra nhận xét cần thiết.

-----Hết-----